

ĐẶC ĐIỂM NGŨ NGHĨA CỦA CÁC TỪ CHỈ MÀU TRONG TIẾNG PA CÔ (KHẢO SÁT Ở HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ)

Hoàng Tất Thắng¹, Trương Thị Cúc²

¹Trường Đại học Khoa học Huế, ²Trường Tiểu học Hồng Quảng - A Lưới - Thừa Thiên Huế

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 22/10/2022

Ngày phản biện: 12/04/2023

Ngày duyệt đăng: 28/04/2023

Title: Sematic structures of color words in the Pa Co language (Analysis conducted at A Luei district, Thua Thien Hue province)

Từ khóa: tiếng Pa Cô, đặc điểm, ngữ nghĩa, thành tố, từ chỉ màu sắc

Keywords: Pa Co language, characteristics, semantics, components, color words

ABSTRACT: Based on 108 words about color in the Pa Co language collected from A Luei district, Thua Thien Hue province, this article utilized the semantics structural analysis method to examine, and analyze the semantics characteristics of these words that are categorized with structural characteristics of meaning and appearance. The semantics characteristics in each structure are depicted in a collection of defined meanings. With non equal compound words that follow the structure of “color depiction + level depiction”, there are two strands of meaning: descriptive meaning and emotional meaning. With non-equal compound words that follow the structure of “color depiction + representation thing”, there are two strands of meaning: descriptive meaning and symbolic meaning. With equal compound words that follow the structure of: “color depiction + color depiction”, there are two strands of meaning: categorical meaning, descriptive meaning, evaluative meaning, and meaning that depicts ranges. Hence, structural characteristics of the color word systems in Pa Co show that expressive values not only describe the colors of the material world, but also describe that of attitudes, emotions, moods and human delicacy.

TÓM TẮT: Trên cơ sở 108 đơn vị từ biểu thị màu sắc trong tiếng Pa Cô được thu thập tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, bài báo đã vận dụng phương pháp phân tích thành tố nghĩa để khảo sát, phân tích đặc điểm ngữ nghĩa của các từ được phân chia theo đặc điểm cấu tạo về nội dung và hình thức. Đặc điểm ngữ nghĩa của các từ chỉ màu sắc trong mỗi kiểu cấu tạo thể hiện ở chỗ: các từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ” gồm hai nét nghĩa: nghĩa miêu tả và nghĩa biểu cảm; các từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + vật đại diện” gồm hai nét nghĩa: nghĩa miêu tả và nghĩa biểu trưng; các từ ghép đẳng lập kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ màu” gồm hai nét nghĩa: nghĩa chỉ phạm trù và nghĩa miêu tả; các từ lấy chỉ màu sắc gồm bốn thành tố nghĩa: nghĩa phạm trù, nghĩa miêu tả, nghĩa đánh giá và nghĩa chỉ phạm vi. Như vậy, cấu trúc ngữ nghĩa của hệ thống từ chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô cho thấy giá trị biểu đạt không chỉ miêu tả màu sắc của thế giới vật chất mà còn được dùng để miêu tả “màu sắc” của thái độ, cảm xúc, tâm trạng sâu kín và tính tế của con người.

1. Mở đầu

1.1. **Từ** là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ. Trên thế giới hiện nay có đến hàng trăm định nghĩa khác nhau về từ. Bởi lẽ, cách định hình, chức năng và cả những đặc điểm ý nghĩa của từ trong các ngôn ngữ khác nhau là không giống nhau.

Từ những góc nhìn khác nhau, các nhà Việt ngữ học đã đưa ra các quan niệm về từ. Có thể kể ra một số quan niệm tiêu biểu như: “Từ là đơn vị nhỏ nhất có nghĩa, có kết cấu vỏ ngữ âm bền vững, hoàn chỉnh, có chức năng gọi tên, được vận dụng độc lập, tái hiện tự do trong lời nói để tạo câu” [4, tr.170]; “Từ

là đơn vị nhỏ nhất có thể vận dụng độc lập ở trong câu.” [5, tr.105]: “Từ là đơn vị ngôn ngữ mà bắt đầu từ nó ngôn ngữ mới thực hiện chức năng giao tiếp và chức năng tư duy” [2, tr.20]. Cũng ở công trình này, tác giả đã giải thích khái niệm “từ” cụ thể hơn: “Từ là một đơn vị hai mặt: mặt hình thức và mặt ý nghĩa” [3, tr.21]. Từ có những đặc điểm:

Có hình thức ngữ âm và ý nghĩa.

Có tính sẵn có, cố định, bất buộc.

Là những đơn vị thực tại, hiển nhiên của ngôn ngữ

Nhưng nó lại là đơn vị nhỏ nhất ở trong câu, là đơn vị trực tiếp nhỏ nhất để tạo câu.” [3, tr.6]

Trong công trình “777 khái niệm ngôn ngữ học”, Nguyễn Thiện Giáp cũng cho rằng: “Có thể chấp nhận một định nghĩa chung về từ như sau: Từ là đơn vị nhỏ nhất của ngôn ngữ, độc lập về ý nghĩa và hình thức” [8, tr.440].

Để có cơ sở nhận thức về từ, có tính chất chấp nhận hơn là lí giải, làm cơ sở lí luận cho việc khảo sát đối tượng, chúng tôi dựa vào định nghĩa như sau: *Từ là đơn vị nhỏ nhất của ngôn ngữ, có tính thống nhất về hình thức và độc lập về ý nghĩa*. Định nghĩa này cho phép phân biệt từ với các đơn vị ngôn ngữ lớn hơn (cụm từ, câu) và đơn vị có nghĩa nhỏ nhất (hình vị).

1.2. Về cấu tạo từ, các nhà nghiên cứu thường phân chia hệ thống vốn từ thành hai loại lớn: *từ đơn* và *từ phức*. Trong từ phức, dựa vào đặc điểm của mối quan hệ về ngữ âm và ngữ nghĩa giữa các hình vị, các nhà nghiên cứu còn phân chia thành *từ ghép* và *từ láy*. Mặc dù khi xem xét các trường hợp cụ thể có thể có những quan điểm khác nhau, nhưng về cơ bản là thống nhất với nhau. Chẳng hạn, các công trình nghiên cứu về từ vựng tiếng Việt như *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại* (1976) của Nguyễn Văn Tu, *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt* (1981) của Đỗ Hữu Châu, *Vấn đề cấu tạo từ của tiếng Việt hiện đại* (1976) của Hồ Lê, *Từ vựng học tiếng Việt* (1999) của Nguyễn Thiện Giáp,...

Tiếng Pa Cô là một ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập như tiếng Việt nên chúng tôi cũng dựa vào cách phân loại trên để nghiên cứu. Theo đó, hệ thống từ chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô cũng được phân loại như sau:

- *Từ đơn* là những từ do một hình vị tạo thành như *pluaq* (bạc), *moong* (xanh)....

- *Từ ghép* là những từ do hai hình vị trở lên tạo thành, trong đó giữa các hình vị có quan hệ về mặt ý nghĩa như *koom béeq* (đen bóng), *koom tuch much* (đen nhem), *tum kuso* (tím đỏ)...

- *Từ láy* là những từ do hai hình vị trở lên có quan hệ về âm thanh tạo thành như *kuso so kuso so* “hồng hồng”, *pluaq pluaq* “bạc bạc”,...

1.3. Trong các công trình nghiên cứu về tiếng Việt, các nhà nghiên cứu đã có những quan niệm về *từ chỉ màu sắc*. Tiêu biểu có các công trình như “Về cách dùng tính từ chỉ màu sắc” (1971) của Lê Anh Hiền, “Về cấu trúc nghĩa của tính từ tiếng Việt” (1982) của Hoàng Văn Hành, “Hệ thống từ ngữ chỉ màu sắc của tiếng Việt trong sự liên hệ với mấy điều phổ quát” (1992) của Đào Thân, “Những đặc trưng ngữ nghĩa của tính từ tiếng Việt” (1996) của Chu Bích Thu,...

Trên đại thể, các công trình nghiên cứu đều cho rằng, sự nhận thức về màu và phân chia dải màu để gọi tên các màu trong các ngôn ngữ thường là dựa trên cảm nhận thị giác và quan điểm truyền thống của từng cộng đồng người, nhiều hơn là dựa vào kết quả phân tích quang phổ. Vì lẽ đó có một số màu được coi là màu cơ bản ở ngôn ngữ này lại có thể không phải là màu cơ bản ở một ngôn ngữ khác; đồng thời, từ ngữ chỉ màu sắc là những từ có tính chất miêu tả sự vật hiện tượng mang màu hoặc là cách gọi tên màu sắc của sự vật trong sự so sánh với sự vật hiện tượng khác.

Dựa vào đặc trưng ý nghĩa của các từ chỉ màu, có thể phân chia thành 3 loại là *từ chỉ màu cơ bản* như *moong* (xanh), *kuso* (đỏ), *kloq* (đen)....; *từ chỉ màu phái sinh* như *koom béeq* (đen bóng), *kuso tôq hôq* (đỏ chóc)...., và

từ chỉ màu miêu tả (so sánh) như *koom ku nhâq deen* (đen khói đèn), *raq arâq soh tro* (vàng rom), *kloq tikân* (trắng sữa), *moong kălmok* (xanh rêu),... Trong ba lớp trên, từ chỉ màu cơ bản đạt độ trừu tượng cao nhất, thấp hơn là từ chỉ màu phái sinh và cuối cùng là từ chỉ màu miêu tả (so sánh).

Dựa vào tính chất ngữ nghĩa của các thành tố tham gia cấu tạo từ ghép chỉ màu sắc, có thể phân chia các kiểu cấu trúc như sau:

- Từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ”.

- Từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + vật đại diện”.

- Từ ghép đẳng lập kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ màu”.

1.4. Về các thành tố nghĩa trong cấu trúc nghĩa của từ nói chung, từ chỉ màu sắc nói riêng, cũng đã có nhiều công trình Việt ngữ học quan tâm. Một số công trình tiêu biểu như “Phân tích ngữ nghĩa” (1973) của Hoàng Phê, “Về cấu trúc nghĩa của tính từ tiếng Việt” (1982) của Hoàng Văn Hành, “Một số phương thức thể hiện ý nghĩa tuyệt đối” (1985) của Nguyễn Đức Dân, “Ngữ nghĩa, ngữ dụng của hư từ tiếng Việt: ý nghĩa đánh giá của các hư từ” (1991) của Lê Đông, “Cơ sở ngữ nghĩa học tiếng Việt” (1999) của Đỗ Hữu Châu,...

Trong cấu trúc nghĩa của các từ chỉ màu sắc, ta thấy thường tồn tại một số thành tố nghĩa sau: nghĩa phạm trù, nghĩa miêu tả, nghĩa biểu cảm, nghĩa biểu trưng. Các thành tố nghĩa này sẽ được phân tích và chứng minh ở phần nội dung của bài viết.

1.5. Việc nghiên cứu tiếng Pa Cô trong nhóm Pa Cô - Tà Ôi, từ trước đến nay, đã có một số công trình quan tâm. Có thể kể đến các công trình như *Về những đặc điểm của một ngôn ngữ đơn tiết trong tiếng Pakôh-Ta-ôih*, *Về vị trí tiếng Ta-ôih trong nhóm ngôn ngữ Katu* (1986) của nhóm tác giả Nguyễn Văn Lợi, Đoàn Văn Phúc, Phan Xuân Thành; *Biên soạn Từ điển Việt - Pa Cô - Tà Ôi; Pa Cô - Tà Ôi - Việt* (2016) của Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam,...

Tuy nhiên, nghiên cứu hệ thống từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô thì cho đến nay vẫn chưa được quan tâm nghiên cứu. Đặc biệt, nghiên cứu đặc điểm ngữ nghĩa của các từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô không chỉ góp phần chứng minh khả năng phản ánh hiện thực đa dạng, phong phú và sâu sắc của hệ thống từ ngữ tiếng Pa Cô nói chung, hệ thống từ ngữ chỉ màu sắc nói riêng; mà còn góp phần chứng minh đặc trưng tư duy văn hóa dân tộc Pa Cô nói chung, cách thức tư duy, cách thức biểu đạt màu sắc nói riêng.

1.6. Trên cơ sở hệ thống từ chỉ màu sắc tiếng Pa Cô được thu thập tại huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng tôi vận dụng phương pháp nghiên cứu miêu tả ngôn ngữ học, với các thủ pháp thống kê, phân loại, phân tích,..trong đó, phân tích thành tố nghĩa là thủ pháp nghiên cứu chính được vận dụng để phân tích và miêu tả cấu trúc ngữ nghĩa của hệ thống từ chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô. Vì vậy, *phương pháp nghiên cứu định tính* là phương pháp xuyên suốt trong toàn bộ bài viết này.

2. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

2.1 Hệ thống từ chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô

Với tổng số 108 đơn vị từ chỉ màu sắc thu thập được, đồng thời để làm cơ sở cho việc phân tích đặc điểm ngữ nghĩa, chúng tôi tiến hành phân loại về mặt cấu tạo như sau:

Cấu tạo	Từ đơn	Từ ghép	Từ láy
Số lượng	10	75	23
Tỉ lệ	9,3%	69,4%	21,3%

Qua kết quả thống kê, phân loại, ta thấy:

- Cũng như mọi ngôn ngữ, trong hệ thống từ chỉ màu sắc của tiếng Pa Cô, từ đơn chiếm số lượng khá khiêm tốn bởi vì đây là những từ chỉ màu cơ bản, cơ sở để tạo nên các từ chỉ màu phái sinh và từ chỉ màu miêu tả...

Ví dụ: *koom* (đen), *kloq* (trắng), *kuso* (đỏ), *arăng* (nâu), *tărluk* (xám),...

- Từ ghép là những từ do hai hình vị trở lên tạo thành, trong đó giữa các hình vị có

quan hệ về mặt ý nghĩa. Kết quả khảo sát cho thấy từ ghép chiếm tỉ lệ cao nhất (69,4%). Đa số các từ ghép chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô được cấu tạo từ hai hình vị trong mối quan hệ chính phụ; nghĩa là một thành tố giữ vai trò chính và thành tố còn lại giữ vai trò phụ, bổ sung (giải thích) cho thành tố chính.

Ví dụ: *koom béeq* (đen bóng), trong đó *koom* (chính), *béeq* (phụ)

koom ngoot (đen đặc), trong đó *koom* (chính), *ngoot* (phụ)

Một số từ ghép được cấu tạo từ 3 hình vị.

Ví dụ: *kuso aráq aham* (đỏ tươi), trong đó *kuso* (chính), *aráq aham* (phụ)

koom târ ngăp (đen thui lúi), trong đó *koom* (chính), *târ ngăp* (phụ)

- Từ láy là những từ do hai hình vị trở lên có quan hệ về âm thanh tạo thành. Tiếng Pa Cô là một ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập, nên từ láy là một trong các phương thức cấu tạo từ. Trong tiếng Pa Cô cũng tồn tại các kiểu cấu tạo từ *láy đôi*, *láy ba*, *láy tư*.

Ví dụ: *koom koom* (đen đen)

kloq kloq (trắng trắng)

kloq totq lotq (trắng bệch)

kuso tôq hôq (đỏ choé)

koom tuch much (đen nhem)

kuso so kuso so (hồng hồng)

koom teumeu teéch meéch (đen thui đen thui)

Qua việc khảo sát, thống kê và miêu tả về cấu tạo từ chỉ màu sắc ở trên, ta thấy, bên cạnh một số lượng khiêm tốn từ chỉ màu cơ bản (từ đơn), tiếng Pa Cô cũng như nhiều ngôn ngữ đơn lập khác đã cấu tạo một hệ thống từ phái sinh rất đa dạng và phong phú (từ ghép và từ láy). Việc cấu tạo hệ thống từ phái sinh nhằm mục đích biểu thị một cách cụ thể, sinh động thế giới màu sắc phong phú và đa dạng trong tự nhiên. Tuy nhiên, tác dụng của việc cấu tạo hai loại từ phái sinh là khác nhau. Tác dụng chủ yếu của việc cấu tạo dạng láy là nhằm biểu thị mức độ của màu sắc.

Ví dụ: Các mức độ của *raq* (màu vàng)

raq raq (vàng nhạt) - mức độ thấp

raq tungrung (vàng hươm) - mức độ cao

raq tanh pranh (vàng rực) - mức cực cấp

Các mức độ của *tum* (tím)

tumtum (tím tím) - mức độ thấp

tum tók lók (tím ngắt) - mức cực cấp

Trái lại, tác dụng của việc cấu tạo dạng ghép là nhằm miêu tả các sắc độ khác nhau của màu sắc. Nếu xét về mức độ của một màu cơ bản thì thường có ba cấp độ (mức độ): trung bình - cao - cực cao (cực cấp). Vậy nên, việc sử dụng các dạng láy cũng có thể biểu thị một cách chính xác các mức độ khác nhau của mỗi màu. Nhưng xét về sắc độ của một màu cơ bản thì có rất nhiều sắc độ tinh tế và đa dạng. Nếu chỉ sử dụng dạng láy thì không thể biểu thị được một cách đầy đủ, cụ thể và sinh động các sắc độ của màu cơ bản. Vì vậy, các ngôn ngữ phải khai thác chủ yếu phương thức ghép để biểu thị các sắc độ của màu cơ bản.

Chẳng hạn, để biểu thị các sắc độ của *tum* (tím), tiếng Pa Cô có các kiểu cấu tạo:

tum koom (tím đen)

tum kuso (tím đỏ)

tum kuso so (tím hồng)

tum aráq ku chah (tím than)

Hoặc để biểu thị các sắc độ của *kloq* (trắng)

kloq pluaq (trắng bạc)

kloq tărngar (trắng nhợt)

kloq tânlâng (trắng trong)

kloq aráq kapaih (trắng bóng)

Vận dụng lí thuyết ngữ nghĩa để nghiên cứu từ ngữ chỉ màu sắc trong các ngôn ngữ, các nhà ngôn ngữ học đã phân loại hệ thống các từ ngữ chỉ màu sắc thành 3 loại là từ chỉ *màu cơ bản*, từ ngữ *chỉ màu phái sinh*, từ ngữ *chỉ màu miêu tả*. Từ chỉ màu cơ bản là các từ được phổ biến rộng rãi, là các từ đơn, có nghĩa khái quát, có phạm vi biểu vật rộng lớn, được sử dụng cho một số lượng đa dạng các sự vật, hiện tượng. Trong các ngôn ngữ, từ chỉ màu cơ bản thường có số lượng tối thiểu. Theo khảo sát của chúng tôi, từ chỉ màu cơ bản trong tiếng Pa Cô gồm có 10 đơn vị: *koom* (đen), *kloq* (trắng), *kuso* (đỏ), *raq* (vàng), *moong* (xanh), *tum* (tím), *arăng* (nâu), *pluaq* (bạc), *tărluk* (xám), *kuso so* (hồng). Đặc biệt,

đó là các từ gốc có khả năng tạo ra hàng loạt từ ngữ chỉ màu phái sinh với phạm vi biểu vật hẹp hơn và các từ ngữ chỉ màu cụ thể. Vì là từ chỉ màu cơ bản, có nghĩa khái quát, nên cấu tạo hình thức cũng như cấu trúc ngữ nghĩa khá đơn giản. Do đó, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung khảo sát, phân tích và miêu tả đặc điểm ngữ nghĩa của các từ phức chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô.

2.2. Đặc điểm ngữ nghĩa của các từ phức chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô

2.2.1. Ngữ nghĩa của từ ghép chỉ màu sắc

a. Ngữ nghĩa của từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ”.

Đây là cái khuôn tri nhận và sáng tạo hàng loạt các từ biểu thị màu sắc trong tiếng Pa Cô cũng như nhiều ngôn ngữ khác, với nội dung miêu tả sự tăng giảm về mức độ và sắc độ của màu sắc. Qua việc khảo sát hệ thống từ biểu thị màu sắc trong tiếng Pa Cô, các tính chất màu được ghi nhận hết sức cụ thể với những mức độ đậm nhạt khác nhau. Sự biến đổi về tính chất màu ấy được thể hiện bằng các yếu tố chỉ sắc độ.

Ví dụ: đối với màu *koom* (đen) có các sắc độ như *béeq* (bóng), *ngoot* (đặc), *tărluk* (sậm); đối với màu *kuso* (đỏ) có các sắc độ như *tung pung* (rực), *aham* (chói), *róh* (hoét),...

Có thể nói, ngay trong cơ cấu ngữ nghĩa của các yếu tố chỉ sắc độ này đã có tính chất đặc thù khu biệt giá trị của nó. Đặc tính này khi gắn kết, bổ sung ý nghĩa cho thành tố chính biểu thị màu trong từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ” đã biểu thị các sắc thái đánh giá màu sắc ở những mức độ khác nhau theo sự bình giá của người nói. Chính sắc thái đánh giá ấy đã phân nào thể hiện nét riêng trong cách tri nhận, cảm thụ tinh tế của người Pa Cô về thế giới xung quanh, đặc biệt là thế giới màu sắc.

Đặc trưng ngữ nghĩa của nhóm từ thuộc cấu trúc này gồm hai thành phần:

- Thứ nhất là thành phần *nghĩa miêu tả*, bao gồm các nét nghĩa chỉ phạm trù xác định, nét nghĩa so sánh, là những nét nghĩa biểu thị thuộc tính của một tính chất màu.

- Thứ hai là thành phần *nghĩa biểu cảm*, biểu thị mối quan hệ đánh giá cảm nhận của con người đối với tính chất màu, nghĩa là biểu thị thái độ của con người đối với sự tác động trực tiếp của màu.

Hai thành phần nghĩa này đều có vai trò ngang nhau trong việc tạo nên giá trị biểu đạt của các từ ghép chính phụ chỉ màu sắc. Tuy nhiên giữa hai thành phần nghĩa này có sự khác nhau về trật tự lô gích, về trật tự của quá trình tri nhận theo hướng từ rộng đến hẹp, từ cụ thể đến trừu tượng, từ xác định đến không xác định, từ trực tiếp đến gián tiếp, từ khách quan đến chủ quan.

Đặc trưng ngữ nghĩa của các từ ghép chính phụ thể hiện ở cấu trúc ngữ nghĩa với trật tự các nét nghĩa như sau:

màu xác định - sắc độ - tính biểu cảm

Ví dụ: *kuso tung pung*: màu đỏ - đều khắp, hài hòa - hấp dẫn, bắt mắt

kuso róh: màu đỏ - mức độ cực cấp - không đẹp, không cảm tình

kuso aráq aham: màu đỏ - chói chang - không thích mắt

Thành phần nghĩa biểu cảm chính là sự bình giá của con người đối với tác động từ khách thể của một tính chất màu. Thành phần nghĩa này là một trong những yếu tố tích cực khu biệt từng từ trong nhóm. Cùng một phạm trù màu nhưng với những sắc độ khác nhau có thể gây ra những cảm giác không giống nhau. Những cảm giác này, nếu được đa số cộng đồng người nói chấp nhận, sẽ dần ổn định và đi vào nghĩa của từ, trở thành bộ phận có tính chất đánh giá trong nghĩa của từ.

Như vậy, trong cấu trúc ngữ nghĩa của từ ghép chính phụ biểu thị màu sắc kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ”, nghĩa của yếu tố chỉ màu được xem là cơ sở trong cơ cấu nghĩa của cả tổ hợp, còn yếu tố chỉ sắc độ mang nghĩa chuyển, nghĩa biểu trưng, thông báo đặc trưng khu biệt.

b. Ngữ nghĩa của từ ghép chính phụ biểu thị màu sắc theo cấu trúc “yếu tố chỉ màu + vật đại diện”.

Có thể nói, đây là một trong những cách tri nhận rất tinh tế, cụ thể, trực quan về thế giới màu sắc của người Pa Cô. Hình thức biểu đạt màu sắc theo kiểu cấu trúc này chiếm một số lượng khá lớn trong kho từ vựng biểu đạt màu sắc của tiếng Pa Cô.

Ví dụ: *koom ku nhâq deen* (đen khói đèn)
kuso apong pêq (đỏ hoa chuối)
raq aráq soh tro (vàng rơm)
kloq tikăn (trắng sữa)
moong kălmok (xanh rêu)

Đó là những sự vật hiện tượng trong tự nhiên với những thuộc tính đặc thù có tính “ẩn tượng”, được cảm nhận bằng thị giác. Vì vậy, “vật đại diện” không chỉ đa dạng về hình thức mà còn phức tạp về sắc thái biểu đạt, biểu hiện đậm nét đặc trưng tư duy dân tộc. Thông qua “vật đại diện”, việc ghi nhận sắc độ của màu gắn liền với thuộc tính về màu của sự vật hiện tượng trong tự nhiên đã phản ánh được lối tư duy trừu tượng, kinh nghiệm cũng như cách nhìn, cách tri nhận thế giới màu sắc của cộng đồng người Pa Cô.

Về đặc trưng ngữ nghĩa, dạng cấu trúc này có hai thành phần nghĩa: *nghĩa miêu tả* và *nghĩa biểu trưng*.

- *Thành phần nghĩa miêu tả* được xác định cụ thể bằng các màu cơ bản kèm theo nét nghĩa so sánh với màu vật đại diện. Nét nghĩa so sánh với màu của vật đại diện không chỉ tiềm ẩn trong cấu trúc nghĩa của từ mà được biểu hiện bằng hình thức cụ thể: tên gọi của sự vật hiện tượng đặc thù.

Ví dụ: *koom* (đen): *koom ku nhâq deen* (đen khói đèn)

koom ku chah abung (đen than tre)
koom ku chah soq tro (đen than rơm),...
raq (vàng): *raq aráq kêm* (vàng kẽm)
raq aráq soh tro (vàng rơm)
raq aráq ârngoat (vàng nghệ)
raq ngăkă kârroq (vàng da bò)
raq aráq pieeh (vàng chanh),...

Các ví dụ trên cho thấy, nét nghĩa so sánh được chuyển hóa sang nét nghĩa tiếp theo - nét nghĩa có chức năng hiện thực hóa, cụ thể hóa tính chất màu. Sự hiện thực hóa nét nghĩa

so sánh trong giao tiếp là một trong những cơ sở để tạo ra hàng loạt từ biểu đạt màu sắc có cùng kiểu cấu trúc ngữ nghĩa trong hệ thống từ vựng biểu đạt màu. Các thuộc tính khác nhau như *raq aráq pieeh*, *raq aráq ârngoat*, *raq aráq soh tro*, *raq ngăkă kârroq*,... thực chất là những cách cụ thể hóa các tính chất khác nhau của cùng một tính chất màu vàng.

- *Thành phần nghĩa biểu trưng* không chỉ là sự biểu trưng độc đáo về tâm lí, tình cảm, mà còn là sự biểu trưng cho văn hóa của người Pa Cô. Được tách ra từ thành phần nghĩa miêu tả, nghĩa biểu trưng đã tạo nên tính chất đặc thù của lớp từ biểu đạt màu sắc trong tiếng Pa Cô. Sự so sánh ngầm trong cấu trúc ngữ nghĩa thể hiện quy luật tri nhận các sự vật hiện tượng - thế giới màu sắc gần gũi trong tâm thức cũng như trong đời sống thực tế của cộng đồng người Pa Cô. Đặc trưng của nền văn hóa vùng rừng núi, canh tác nương rẫy, đã để lại “dấu ấn” ngay trên hình thức cũng như cấu trúc ngữ nghĩa của hình thức biểu đạt màu sắc này. Yếu tố “vật đại diện” trong cấu trúc từ biểu thị màu sắc (cái được so sánh) hoàn toàn không phải là sự vật hiện tượng hoàn toàn xa lạ, trừu tượng, mà ngược lại là những sự vật hiện tượng gần gũi trong đời sống sinh hoạt của cộng đồng. Các sự vật hiện tượng như *chah abung* (than tre), *chah soq tro* (than rơm), *achook* (hạt dẻ), *apong pêq* (hoa chuối), *aham adurah* (máu vượn), là những sự vật hiện tượng gắn liền với đời sống sinh hoạt rừng núi, nương rẫy của người Pa Cô.

c. Ngữ nghĩa của từ ghép đẳng lập biểu thị màu sắc kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ màu”.

Thực chất, đây là sự kết hợp “pha trộn” hai từ chỉ hai màu. Đó đó, nghĩa biểu đạt màu sắc của từ, về cơ bản là sự tích hợp ngữ nghĩa của hai yếu tố.

Ví dụ: *raq arăng*: *raq* (vàng) + *arăng* (nâu)
kloq moong: *kloq* (trắng) + *moong* (xanh)
kuso so arăng: *kuso so* (hồng) + *arăng* (nâu)

Như vậy, nghĩa của từ biểu thị màu *koom kuso*, không phải là màu *koom* (đen), cũng không phải là màu *kuso* (đỏ); mà là

biểu thị màu “vừa *koom* (đen) vừa *kuso* (đỏ)” hoặc “nửa *koom* (đen) nửa *kuso* (đỏ)”.

Về ý nghĩa, trong thành phần ngữ nghĩa của từ ghép đẳng lập chỉ màu sắc kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ màu” tồn tại hai thành tố nghĩa: *nghĩa chỉ phạm trù* và *nghĩa miêu tả*.

- Thành tố nghĩa chỉ phạm trù màu luôn luôn có mặt trong các yếu tố của cấu trúc.

- Thành tố nghĩa miêu tả là nét nghĩa “tích hợp”, cụ thể hóa phạm trù màu với những tính chất màu xác định, là sự pha trộn màu.

Vì vậy, các từ ghép đẳng lập biểu thị màu sắc kiểu cấu trúc này là sự “bỏ khuyết” cho cách tri nhận màu sắc trong thế giới hiện thực của các cộng đồng người nói chung, cộng đồng người Pa Cô nói riêng.

Về hình thức, các từ ghép đẳng lập biểu thị màu sắc là sự kết hợp của hai từ biểu thị hai màu khác nhau. Nhưng trong cơ cấu của nét nghĩa miêu tả vẫn tồn tại một trật tự nhất định: *tính chất màu chính thường được biểu đạt ở yếu tố thứ nhất, yếu tố thứ hai mang nét nghĩa phụ*. Nói cách khác, gánh nặng ngữ nghĩa dường như nghiêng về yếu tố thứ nhất. Vậy nên, trong thực tế, khó có những kết hợp biểu thị màu sắc theo trật tự ngược lại.

2.2.2 Ngữ nghĩa của từ láy chỉ màu sắc

Khi nghiên cứu đặc trưng ngữ nghĩa của các từ láy nói chung, các nhà Việt ngữ học đều cho rằng, về cơ bản, ngữ nghĩa của các từ thuộc nhóm này là sự cụ thể hóa, sắc thái hóa ý nghĩa của hình vị cơ sở. Đặc điểm ngữ nghĩa của từ láy trong tiếng Pa Cô cũng vậy. Ví dụ: *arăng arăng* (nâu nâu), *kloq kloq* (trắng trắng), *kloq totq lotq* (trắng bệch), *kuso tôq hôq* (đỏ chóc),...

Trong các ví dụ trên, ý nghĩa của âm tiết thứ hai hoặc thứ ba lấy lại ý nghĩa của âm tiết đầu (hình vị cơ sở), nhằm cụ thể hóa, sắc thái hóa ý nghĩa cơ sở.

Về ngữ nghĩa, mỗi từ láy chỉ màu sắc biểu thị 4 thành phần nghĩa trong cấu trúc nghĩa của nó:

- a) nghĩa phạm trù, b) nghĩa miêu tả,
- c) nghĩa đánh giá và d) nghĩa chỉ phạm vi.

Ví dụ: *kloq totq lotq* (trắng bệch trắng bệch):

- (a) màu trắng
- (b) cơ thể yếu đuối, có bệnh
- (c) không thích, mang sắc thái âm tính -
- (d) chỉ màu da (da mặt)

kloq tôk lôk (trắng nhợt trắng nhợt):

- (a) màu trắng
- (b) do nước tàn phá hoặc thiếu ánh nắng
- (c) không thích, mang sắc thái âm tính -
- (d) chỉ màu da.

Như vậy, sự lặp lại toàn bộ hay một bộ phận ý nghĩa của từ tố gốc có thể đem đến sự khác nhau về cấu trúc ngữ nghĩa (hoặc giá trị biểu đạt) giữa các từ trong cùng một nhóm màu. Với đặc điểm ngữ nghĩa như vậy, mỗi từ trong nhóm sẽ được “án định” trong một phạm vi cụ thể, phạm vi hoạt động của từ.

Giá trị ngữ nghĩa của từ láy biểu thị màu sắc trong tiếng Pa Cô còn thể hiện ở chỗ, là sự cụ thể hóa, sắc thái hóa ý nghĩa của từ tố gốc với tác dụng biểu cảm và biểu niệm rất tinh tế và sâu sắc. Khuynh hướng sắc thái hóa ý nghĩa của từ tố gốc theo hướng tăng cường hoặc giảm nhẹ mức độ về màu. Tuy nhiên, qua hệ thống ngữ liệu được khảo sát cho thấy, đa số từ láy biểu thị màu sắc trong tiếng Pa Cô đều có xu hướng tăng cường mức độ về màu so với các từ ghép chính phụ biểu thị màu sắc theo cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ”.

So sánh: từ ghép chính phụ - từ láy

- *kloq totq* (trắng bệch)
- *kloq totq lotq* (trắng bệch trắng bệch)
- *koom tuch* (đen nhem)
- *koom tuch much* (đen nhem nhem)

Nếu xét theo thang độ chỉ màu (*kloq*/trắng và *koom*/đen) thì có thể thấy, từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ” biểu thị màu sắc ở “mức độ cao”, trong khi từ láy chỉ màu sắc lại biểu thị màu sắc ở “mức cực cấp”.

Đặc trưng ngữ nghĩa của các từ láy biểu thị màu sắc còn thể hiện ở chỗ: vừa có tác dụng tạo hình (khuynh hướng sắc thái hóa ý nghĩa, tăng cường, nhấn mạnh vào mức độ, thuộc tính của màu) vừa có tác dụng

biểu hiện (miêu tả thái độ, cảm xúc, sự đánh giá chủ quan của người nói). Nói cách khác, thông qua khuynh hướng sắc thái hóa ý nghĩa, tăng cường, nhấn mạnh vào mức độ, thuộc tính của màu nhằm khơi gợi khả năng liên tưởng phong phú trong tư duy của người tiếp nhận, gợi ra ấn tượng về tình cảm, cảm xúc chủ quan của con người.

3. Kết luận

Vận dụng phương pháp phân tích thành tố nghĩa để khảo sát đặc điểm ngữ nghĩa của hệ thống từ biểu thị màu sắc trong tiếng Pa Cô, chúng tôi đã tiến hành phân tích các thành tố nghĩa của các kiểu cấu tạo từ phức sau đây: Từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ”, từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + vật đại diện”, từ ghép đẳng lập kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ màu”, từ láy chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô.

Đặc điểm ngữ nghĩa của từ chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô thể hiện ở chỗ, mỗi kiểu cấu tạo là một tập hợp các thành tố nghĩa: với từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ” là một tập hợp gồm hai nét nghĩa: nghĩa miêu tả và nghĩa biểu cảm; với từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + vật đại diện” là một tập hợp gồm hai nét nghĩa: nghĩa miêu tả và nghĩa biểu trưng; với từ ghép đẳng lập kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ màu” là một tập hợp gồm hai nét nghĩa: nghĩa chỉ phạm trù và nghĩa miêu tả; với các từ láy chỉ màu sắc là một tập hợp gồm bốn thành tố nghĩa: nghĩa phạm trù, nghĩa miêu tả, nghĩa đánh giá và nghĩa chỉ phạm vi.

Đặc điểm ngữ nghĩa của hệ thống từ chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô được phân tích ở trên có thể dùng làm tài liệu tham khảo để xây dựng phương pháp giảng dạy, phân tích từ ngữ chỉ màu sắc nói riêng, hệ thống từ vựng tiếng Pa Cô nói chung ở trường phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tài Cẩn (1975), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học và THCN, Hà Nội.

2. Đỗ Hữu Châu (1985), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Đỗ Hữu Châu (1999), *Cơ sở ngữ nghĩa học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến (1992), *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Đức Dân (1985), “Một số phương thức thể hiện ý nghĩa tuyệt đối”, *Ngôn ngữ*, (3), tr.20-23.
6. Chu Xuân Diên (2001), *Văn hóa dân gian, mấy vấn đề phương pháp luận*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Lê Đông (1991), “Ngữ nghĩa, ngữ dụng của hư từ tiếng Việt; ý nghĩa đánh giá của các hư từ”, *Ngôn ngữ*, (2), tr.14-18.
8. Nguyễn Thiện Giáp (2010), *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
9. Hoàng Văn Hành (1982), “Về cấu trúc nghĩa của tính từ tiếng Việt”, *Ngôn ngữ*, (3), tr. 2-10.
10. Hồ Lê (1976), *Vấn đề cấu tạo từ của tiếng Việt hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. Hoàng Phê (1973), “Phân tích ngữ nghĩa”, *Ngôn ngữ*, (2), tr. 6-21.
12. Đào Thản (1992), “Hệ thống từ ngữ chỉ màu sắc của tiếng Việt trong sự liên hệ với mấy điều phổ quát”, *Ngôn ngữ*, (2), tr.12 -15.
13. Chu Bích Thu (1989), Thành phần nghĩa đánh giá trong ngữ nghĩa một số tính từ”, *Ngôn ngữ*, (1), tr. 60-63.
14. Chu Bích Thu (1996), *Những đặc trưng ngữ nghĩa của tính từ tiếng Việt hiện đại*, Luận án tiến sĩ.
15. Viện Từ điển và Bách khoa thư Việt Nam (2016), *Biên soạn Từ điển Việt - Pa Cô - Tà Ôi, Pa Cô - Tà Ôi Việt*, Đề tài khoa học cấp Tỉnh.
16. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (2001), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục.